

Số: 2465/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 09 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 12
Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân,
xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01/7/2014;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 của Chính phủ về sửa đổi Điều 16 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định kèm

theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 25/12/2014 của UBND tỉnh Quy định hạn mức đất ở trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 09/02/2018 của UBND tỉnh về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 3653/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Căn cứ Văn bản số 7402/UBND-KT ngày 07/12/2022 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí mai táng, cải táng ra khỏi phạm vi quy hoạch xây dựng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị du lịch sinh thái Diêm Vân;

Theo các Văn bản số 150/UBND-ĐC ngày 18/8/2022 và số 09/UBND-ĐC ngày 15/01/2024 của UBND xã Phước Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất để thực hiện Bồi thường, GPMB, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo các Văn bản số 82/UBND-ĐC ngày 22/5/2024, số 83/UBND-ĐC ngày 22/5/2024 và số 101/UBND-ĐC ngày 13/6/2024 của UBND xã Phước Thuận về việc xác nhận nguồn gốc đất điều chỉnh bổ sung để thực hiện Bồi thường, GPMB, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại Tờ trình số 36/TTr-HĐBTGPMB ngày 04/7/2024 (kèm theo Phương án Bồi thường hỗ trợ chi tiết - Đợt 12).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 12 để giải phóng mặt bằng thực hiện Dự án Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước với các nội dung như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): **69.101.188.368 đồng** (Bằng chữ: Sáu mươi chín tỷ, một trăm lẻ một triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm sáu mươi tám đồng), trong đó:

a) Giá trị bồi thường, hỗ trợ là: 67.746.263.106 đồng;

b) Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 1.354.925.262 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này)

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn ứng trước của Nhà đầu tư để chi trả.

3. Nội dung chi tiết: Theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết - Đợt 12 kèm theo Tờ trình số 36/TTr-HĐBTGPMB ngày 04/7/2024 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân và Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCTTT Ng. Tuấn Thanh;
- Lưu: VT, K10, K16.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC 01: BẢNG TÔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ - ĐỢT 12
DỰ ÁN: KHU ĐÔ THỊ VÀ DU LỊCH SINH THÁI DIÊM VÂN XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY PHƯỚC

Địa điểm xây dựng: Thôn Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác (Đất vườn)	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
I	Nhóm hộ có nhà và tài sản trên đất															
I.1	Nhóm hộ được bồi thường đất ở, nhà và vật kiến trúc (36 hộ)															
1	Lê Thị Đành; Lê Thị Quá; Lê Thị Dư; Lê Thị Thừa và Hồ Văn Phụng	1.750.000.000	74.408.850				4.954.000			148.817.700	782.075.000				2.760.255.550	
2	Dương Văn Dũng; Vợ: Nguyễn Thị Bé	766.160.000			333.212.608	13.294.449			3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.141.667.057	
3	Dương Thế Cung (chết); Con: Dương Thanh Quang; Vợ: Nguyễn Thị Tô Quyền (kê khai)	969.200.000			471.848.816	46.655.272	3.381.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.520.085.088	
4	Nguyễn Ngọc Hữu (chết); Con: Nguyễn Ngọc Tiến; Vợ: Nguyễn Thị Thu	1.270.500.000		11.459.700	605.004.022	29.803.690	4.604.400		3.000.000	34.379.100		12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.984.750.912	
5	Nguyễn Ngọc Hải; Vợ: Nguyễn Thị Lan	1.025.250.000		3.893.400	427.381.603	65.034.651	2.448.500		3.000.000	11.680.200		12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.564.688.354	
6	Nguyễn Hiệp; Vợ: Võ Thị Mỹ Lệ	917.700.000			458.111.079	45.943.507	8.990.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.459.744.586	
7	Huỳnh Tấn Khanh; Vợ: Nguyễn Thị Hoa	560.811.750			743.481.835	58.561.416	1.804.500		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.393.659.501	
8	Dương Văn Minh; Vợ: Nguyễn Thị Thảo	1.729.000.000			852.782.838	62.654.089	5.333.500		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.678.770.427	
9	Dương Cung; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Thúy	800.000.000	9.324.000		705.697.464	51.561.708	4.067.375		3.000.000	18.648.000	112.000.000	12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.730.298.547	
10	Dương Quý; Vợ: Lê Thị Em	646.800.000			763.162.551	67.616.808	3.005.500		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.509.584.860	
11	Dương Cương; Vợ: Thái Thị Mộng Tuyền	315.900.000			407.947.669	16.977.378	5.077.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	774.902.047	
12	Hồ Văn Gặp; Vợ: Lê Thị Hiền	404.200.000			495.537.777	21.338.052	6.433.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	956.508.829	
13	Trần Đình Lương; Vợ: Nguyễn Thị Mỹ Chi	581.280.000			402.751.487	31.698.682	6.386.500		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.051.116.669	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỌ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường đi chuyên tải sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác (Đất vườn)	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
14	Trần Đình Lượng; Vợ: Nguyễn Thị Mỹ Chi (nhận chuyển nhượng từ Nguyễn Đức Dũng)	269.200.000			205.905.649	14.047.112	2.464.000								491.616.761	
15	Trần Văn Tráng (chết); Vợ: Phạm Thị Ngò	754.400.000			492.882.216	17.751.701	4.579.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.298.612.917	
16	Võ Thị Phước, Chồng: Huỳnh Kim Bảo và hộ Huỳnh Kim Dũng, vợ: Đinh Thị Thanh Lý	1.043.730.000		7.049.700	1.501.351.276	101.740.707	662.000		3.000.000	21.149.100		12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.704.682.783	
17	Mai Xuân Nhi (chết); Vợ: Nguyễn Thị Mỹ Dung	1.195.500.000		258.300	916.943.649	71.985.410	5.011.495		3.000.000	774.900		12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.219.473.754	
18	Trần Đông; Con: Trần Thị Ngọc Bích	432.000.000			113.119.786	21.194.120	126.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	595.439.906	
19	Phạm Cảnh Nhân (chết), Vợ: Dương Thị Thấu (nhận chuyển nhượng của Dương Xuân Lãng)	529.380.000			339.624.527	9.464.616			3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	907.469.143	
20	Nguyễn Thanh Bình (chết); Vợ: Trần Thị Bạc	901.600.000			560.083.873	34.556.798	2.746.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.527.986.670	
21	Trần Tích (chết); Con: Trần Văn Pha (đại diện kê khai)	1.750.000.000	19.663.650		350.649.401	28.075.304	4.049.000		3.000.000	39.327.300	206.675.000	12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.427.439.655	
22	Mai Xuân Hiếu; Vợ: Nguyễn Thị Lương	910.000.000			465.609.791	23.005.901	47.854.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.475.469.692	
23	Nguyễn Đình Hương; Vợ: Huỳnh Thị Tuyết và hộ Nguyễn Đình Thọ	1.407.600.000			480.666.537	10.157.123	3.615.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.931.038.660	
24	Trần Thị Thanh (chết); Cháu: Trần Văn Ngò (đại diện kê khai)	1.318.400.000			144.332.459	220.410	1.281.400		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.493.234.269	
25	Trần Văn Yên; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Vân	2.000.000.000	10.705.950		660.944.864	49.358.507	16.340.000		3.000.000	21.411.900	128.600.000	12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.916.361.221	
26	Huỳnh Văn Hợp; Vợ: Phan Thị Ngót	656.000.000			555.953.844	44.987.688	9.265.500		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.295.207.032	
27	Lê Khắc Hùng (chết); Vợ: Mai Thị Kim Liên	1.075.490.000			1.727.672.121	47.009.688	1.334.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.880.505.809	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường đi chuyên tải sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác (Đất vườn)	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
28	Huỳnh Sáu (chết); Vợ: Nguyễn Thị Kỳ	1.450.750.000			753.368.220	68.034.373	9.294.500		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.310.447.093	
29	Nguyễn Thanh Nhân; Vợ: Lê Thị Thương	1.750.000.000	39.410.550		1.149.449.835	113.081.274	20.249.700		3.000.000	78.821.100	414.225.000	12.000.000	9.000.000	5.000.000	3.594.237.459	
30	Nguyễn Văn Sứu, Vợ: Lương Thị Thừa và hộ Nguyễn Lương Thị Thu Thủy, Chồng: Thân văn Ánh	1.067.500.000		11.264.400	1.066.222.154	60.260.181	3.154.500		3.000.000	33.793.200		12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.271.194.434	
31	Nguyễn Dậy (chết); Con: Nguyễn Đình Hòa (đại diện kê khai):	716.462.750			601.820.397	66.046.398	5.443.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.418.772.544	
32	Trần Văn Ngo; Vợ: Nguyễn Thị Mươi	1.280.000.000		16.058.700	1.210.848.381	127.044.645	18.954.000		3.000.000	48.176.100		12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.730.081.826	
33	Phan Văn Giáo; Vợ: Nguyễn Thị Hường	1.252.800.000			604.832.599	40.925.399	2.140.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.929.697.998	
34	Phạm Thị Kiều Nương; Con: Nguyễn Văn Cây (đại diện)	830.400.000			1.068.540.056	58.459.006	5.895.000		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.992.294.062	
35	Phan Thanh Lâu (chết); Vợ: Đỗ Thị Xê	1.219.200.000			972.099.640	83.613.828	10.793.900		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	2.314.707.368	
36	Hồ Văn Sáu; Vợ: Dương Thị Mỹ Hạnh và hộ Nguyễn Đức Tính (nhận chuyển nhượng từ Hồ Văn Sáu)	459.490.000			784.025.187	50.009.621	9.564.900		3.000.000			12.000.000	9.000.000	5.000.000	1.332.089.708	
I.2	Nhóm hộ không được bồi thường về đất ở nhưng được hỗ trợ tài sản trên đất (08 hộ)															
37	Trần Đình Phương	-			153.151.380	6.445.431								5.000.000	164.596.811	
38	Nguyễn Dậy (chết); cháu nội: Nguyễn Đình Toàn (đại diện kê khai)	-			226.632.591	29.937.223	12.987.000							5.000.000	274.556.814	
39	Nguyễn Thị Lương	-			20.239.065									5.000.000	25.239.065	
40	Hồ Văn Nhứt; Vợ: Lê Thị Sương	-			320.310.520	19.091.310	2.505.000					-	-	5.000.000	346.906.830	
41	Trần Thị Thắm (nhận chuyển nhượng từ Hồ Văn Mươi)	-			255.450.382	17.447.307	407.500					-	-	5.000.000	278.305.189	
42	Võ Văn Chín; Vợ: Hồ Thị Mai	-			265.070.275	1.547.808	1.986.000					-	-	5.000.000	273.604.083	

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường đi chuyên tải sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác (Đất vườn)	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
68	Huỳnh Tấn Ánh; Vợ: Nguyễn Thị Thu Hà	-														-
69	Nguyễn Văn Sang; Vợ: Dương Thị Phương	-														-
70	Hồ Còn; Vợ: Dương Thị Thu Thảo	-														-
71	Huỳnh Miên; Vợ: Lê Thị Hồng	-														-
72	Dương Đức Thắng; Vợ: Lê Thị Vân	-														-
73	Lê Văn Thìn; Vợ: Lê Thị Gái	-														-
74	Huỳnh Minh Thái; Vợ: Dương Thị Loan	-														-
75	Trần Đình Danh; Vợ: Trần Thị Thu Hà	-														-
76	Nguyễn Đình Hòa; Vợ: Huỳnh Thị Thu Thái	-														-
77	Nguyễn Thế Lâm; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Phi	-														-
II	Nhóm hộ bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp (13 hộ)															
78	Trần Viết Hiếu (chết), con: Trần Văn Lộc (đại diện kê khai)			26.250.800						78.752.400						105.003.200
79	Trần Văn Phước (chết), Vợ: Nguyễn Thị Xíu			28.573.600						85.720.800						114.294.400
80	Dương Lập (chết); Con: Dương Thanh Hải (kê khai)			28.573.600						85.720.800						114.294.400
81	Hồ Văn Phụng			5.222.400						15.667.200						20.889.600
82	Trần Văn Lực			36.047.400												36.047.400
83	Hồ Tấn Đạt (chết); Con dâu: Trần Thị Kim Quy (đại diện kê khai)			38.514.800												38.514.800
84	Nguyễn Hàng (chết), con: Nguyễn Văn Tâm (chết), cháu nội: Nguyễn Xuân Đạt (đại diện kê khai)			17.512.700												17.512.700

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn cùng thửa đất ở	Bồi thường về đất nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường, hỗ trợ về mã	Bồi thường đi chuyên tài sản	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm	Hỗ trợ khác (Đất vườn)	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ trong thời gian XD nhà	Thưởng đẩy nhanh tiến độ	Tổng cộng	Ghi chú
85	Trần Việt Trung			26.134.000											26.134.000	
86	Phạm Thị Lệ			208.086.800											208.086.800	
87	Hồ Quang Dương			98.321.200											98.321.200	
88	Tạ Duy Linh			23.521.200											23.521.200	
89	Phan Ngọc Bửu			65.348.000											65.348.000	
90	Phan Văn Giáo			-											-	
III	Nhóm hộ hỗ trợ chi phí mai táng đối với hộ gia đình có người thân mất trong thời gian thực hiện công tác bồi thường (02 hộ)															
91	Mai Xuân Nam							4.000.000							4.000.000	
92	Trần Thị Bạc							4.000.000							4.000.000	
	TỔNG CỘNG	36.006.704.500	153.513.000	652.090.700	25.424.202.819	1.752.948.217	281.389.070	8.000.000	102.000.000	722.839.800	1.643.575.000	408.000.000	306.000.000	285.000.000	67.746.263.106	
A	TỔNG GIÁ TRỊ BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ:															
B	CHI PHÍ GPMB (2% A):															
C	TỔNG CỘNG (A+B):															

PHỤ LỤC 02:
DANH SÁCH CHI TRẢ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHI TIẾT - ĐỢT 12
Dự án: Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
Địa điểm xây dựng: Thôn Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
I	Nhóm hộ có nhà và tài sản trên đất		
I.1	Nhóm hộ được bồi thường đất ở, nhà và vật kiến trúc (36 hộ)		
1	Lê Thị Đành; Lê Thị Quá; Lê Thị Dư; Lê Thị Thừa và Hồ Văn Phụng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.760.255.550
2	Dương Văn Dũng; Vợ: Nguyễn Thị Bé	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.141.667.057
3	Dương Thế Củng (chết); Con: Dương Thanh Quang; Vợ: Nguyễn Thị Tô Quyên (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.520.085.088
4	Nguyễn Ngọc Hữu (chết); Con: Nguyễn Ngọc Tiến; Vợ: Nguyễn Thị Thủ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.984.750.912
5	Nguyễn Ngọc Hải; Vợ: Nguyễn Thị Lan	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.564.688.354
6	Nguyễn Hiệp; Vợ: Võ Thị Mỹ Lệ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.459.744.586
7	Huỳnh Tấn Khanh; Vợ: Nguyễn Thị Hoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.393.659.501
8	Dương Văn Minh; Vợ: Nguyễn Thị Thảo	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.678.770.427
9	Dương Cung; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.730.298.547
10	Dương Quý; Vợ: Lê Thị Em	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.509.584.860
11	Dương Cương; Vợ: Thái Thị Mộng Tuyền	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	774.902.047
12	Hồ Văn Gặp; Vợ: Lê Thị Hiền	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	956.508.829
13	Trần Đình Lương; Vợ: Nguyễn Thị Mỹ Chi	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.051.116.669
14	Trần Đình Lương; Vợ: Nguyễn Thị Mỹ Chi (nhận chuyển nhượng từ Nguyễn Đức Dũng)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	491.616.761
15	Trần Văn Tráng (chết); Vợ: Phạm Thị Ngọc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.298.612.917
16	Võ Thị Phước, Chồng: Huỳnh Kim Bảo và hộ Huỳnh Kim Dũng, vợ: Đinh Thị Thanh Lý	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.704.682.783
17	Mai Xuân Nhi (chết); Vợ: Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.219.473.754
18	Trần Đông; Con: Trần Thị Ngọc Bích	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	595.439.906
19	Phạm Cảnh Nhân (chết), Vợ: Dương Thị Thấu (nhận chuyển nhượng của Dương Xuân Lắng)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	907.469.143
20	Nguyễn Thanh Bình (chết); Vợ: Trần Thị Bạc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.527.986.670
21	Trần Tích (chết); Con: Trần Văn Pha (đại diện kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.427.439.655
22	Mai Xuân Hiếu; Vợ: Nguyễn Thị Lương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.475.469.692
23	Nguyễn Đình Hương; Vợ: Huỳnh Thị Tuyết và hộ Nguyễn Đình Thọ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.931.038.660

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
24	Trần Thị Thanh (chết); Châu: Trần Văn Ngo (đại diện kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.493.234.269
25	Trần Văn Yên; Vợ: Nguyễn Thị Hồng Vân	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.916.361.221
26	Huỳnh Văn Hợp; Vợ: Phan Thị Ngót	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.295.207.032
27	Lê Khắc Hùng (chết); Vợ: Mai Thị Kim Liên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.880.505.809
28	Huỳnh Sáu (chết); Vợ: Nguyễn Thị Ký	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.310.447.093
29	Nguyễn Thanh Nhân; Vợ: Lê Thị Thương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	3.594.237.459
30	Nguyễn Văn Sửu, Vợ: Lương Thị Thừa và hộ Nguyễn Lương Thị Thu Thủy, Chồng: Thân Văn Ánh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.271.194.434
31	Nguyễn Dậy (chết); Con: Nguyễn Đình Hòa (đại diện kê khai):	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.418.772.544
32	Trần Văn Ngo; Vợ: Nguyễn Thị Mười	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.730.081.826
33	Phan Văn Giáo; Vợ: Nguyễn Thị Hương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.929.697.998
34	Phạm Thị Kiều Nương; Con: Nguyễn Văn Cậy (đại diện)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.992.294.062
35	Phan Thanh Lâu (chết); Vợ: Đỗ Thị Xê	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	2.314.707.368
36	Hồ Văn Sáu; Vợ: Dương Thị Mỹ Hạnh và hộ Nguyễn Đức Tinh (nhận chuyển nhượng từ Hồ Văn Sáu)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	1.332.089.708
I.2	Nhóm hộ không được bồi thường về đất ở nhưng được hỗ trợ tài sản trên đất (08 hộ)		
37	Trần Đình Phương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	164.596.811
38	Nguyễn Dậy (chết); Châu nội: Nguyễn Đình Toàn (đại diện kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	274.556.814
39	Nguyễn Thị Lượng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	25.239.065
40	Hồ Văn Nhựt; Vợ: Lê Thị Sương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	346.906.830
41	Trần Thị Thắm (nhận chuyển nhượng từ Hồ Văn Mười)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	278.305.189
42	Võ Văn Chín; Vợ: Hồ Thị Mai	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	273.604.083
43	Phan Văn Học; Vợ: Phan Thị Bông	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	356.798.793
44	Hồ Thị Dư	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	474.629.231
I.3	Nhóm hộ không được bồi thường về đất và tài sản trên đất (33 hộ)		
45	Nguyễn Đình Tài (cha Nguyễn Đình Tấn)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.000.000
46	Nguyễn Trọng Tiên (vợ: Nguyễn Thị Bé Ly) và bà Nguyễn Thị Phượng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.000.000
47	Đặng Văn Lợi (cha Đặng Văn Học, mẹ: Nguyễn Thị Lệ)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.075.200
48	Nguyễn Đình Chạy	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
49	Nguyễn Đình Toàn	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	6.014.000
50	Dương Đức Tâm	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.315.000
51	Nguyễn Thái Sơn (chết), con: Nguyễn Thị Sương (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
52	Nguyễn Thanh Văn	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	11.414.200
53	Nguyễn Hoàng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	6.280.000
54	Vô Sỹ Bưu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.981.500
55	Nguyễn Văn Sang	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.000.000
56	Nguyễn Minh Vương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.000.000

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
57	Hồ Duy Tuyên	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.829.500
58	Nguyễn Đức Hoàng; Vợ: Nguyễn Hà Ái Nữ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	6.118.000
59	Phan Văn Khoa	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	5.000.000
60	Nguyễn Tấn Phiêu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	7.178.000
61	Nguyễn Chín (chết); Con: Nguyễn Nguyên Ngừ (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	7.360.000
62	Huỳnh Tấn Khanh, Vợ: Nguyễn Thị Hoa (nhận chuyển nhượng từ Huỳnh Tấn Ánh)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
63	Mai Xuân Nam (nhận chuyển nhượng của ông Trần Cang)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
64	Lê Thị Lựu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
65	Trần Văn Hôn	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
66	Lê Văn Tót; Vợ: Trần Thị Phương Dung	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
67	Huỳnh Tấn Gia	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
68	Huỳnh Tấn Ánh; Vợ: Nguyễn Thị Thu Hà	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
69	Nguyễn Văn Sang; Vợ: Dương Thị Phương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
70	Hồ Còn; Vợ: Dương Thị Thu Thảo	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
71	Huỳnh Miên; Vợ: Lê Thị Hồng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
72	Dương Đức Thắng; Vợ: Lê Thị Vân	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
73	Lê Văn Thìn; Vợ: Lê Thị Gái	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
74	Huỳnh Minh Thái; Vợ: Dương Thị Loan	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
75	Trần Đình Danh; Vợ: Trần Thị Thu Hà	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
76	Nguyễn Đình Hòa; Vợ: Huỳnh Thị Thu Thái	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
77	Nguyễn Thế Lâm; Vợ: Nguyễn Thị Thanh Phi	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-
II	Nhóm hộ bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp (13 hộ)		
78	Trần Viết Hiếu (chết), con: Trần Văn Lộc (đại diện kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	105.003.200
79	Trần Văn Phước (chết), Vợ: Nguyễn Thị Xíu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	114.294.400
80	Dương Lập (chết); Con: Dương Thanh Hải (kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	114.294.400
81	Hồ Văn Phụng	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	20.889.600
82	Trần Văn Lực	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	36.047.400
83	Hồ Tấn Đạt (chết); Con dâu: Trần Thị Kim Quy (đại diện kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	38.514.800
84	Nguyễn Hàng (chết), con: Nguyễn Văn Tám (chết), cháu nội: Nguyễn Xuân Đạt (đại diện kê khai)	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	17.512.700
85	Trần Viết Trung	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	26.134.000
86	Phạm Thị Lệ	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	208.086.800
87	Hồ Quang Dương	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	98.321.200
88	Tạ Duy Linh	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	23.521.200
89	Phan Ngọc Bửu	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	65.348.000
90	Phan Văn Giáo	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	-

TT	HỌ, TÊN CHỦ HỘ	ĐỊA CHỈ	THÀNH TIỀN
III	Nhóm hộ hỗ trợ chi phí mai táng đối với hộ gia đình có người thân mất trong thời gian thực hiện công tác bồi thường (02 hộ)		
91	Mai Xuân Nam	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.000.000
92	Trần Thị Bạc	Thôn Diêm Vân - xã Phước Thuận	4.000.000
TỔNG CỘNG			67.746.263.106